TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị Bích Đ, sinh năm 1996,
ĐKHKTT: khu 1, xã K, thành phố V, tỉnh A.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996,
ĐKHKTT: khu 1, xã K, thành phố V, tỉnh A.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Lương Văn C, sinh năm 1963,
ĐKHKTT: khu 1, xã K, thành phố V, tỉnh A.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị Bích Đ trình bày: chị Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2019 chị Đ đi nước ngoài, từ đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị Lương Thị Bích Đ xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 20/10/2016. Khi ly hôn chị Đ đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị Đ đang ở nước ngoài, chị Đ đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho ông Lương Văn C (bố đẻ chị Đ) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P trong thời gian chị Đ ở nước ngoài cho đến khi chị Đ trở về Việt Nam.

Trước khi kết hôn với anh T, chị Đ có 01 con riêng là cháu Lương Anh H, sinh ngày 03/6/2014. Chị Đ xác định cháu H là con riêng của chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con riêng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Lương Thị Bích Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Bích Đ tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lương Thị Bích Đ đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2024, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã k, thành phố v, tỉnh A. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 20/10/2016. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ về con chung anh T hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn C trình bày: ông là bố đẻ của chị Lương Thị Bích Đ. Về việc chị Đ khởi kiện ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông C có quan điểm hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Hiện nay cháu P đang được ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, ông C đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho ông tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị Đ ở nước ngoài, khi nào chị Đ trở về Việt Nam ông sẽ bàn giao cháu P cho chị Đ. Ông C không yêu cầu chị Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và ông C cam đoan sẽ tạo mọi điều kiện để cháu P được phát triển một cách tốt nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích Đ. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lương Thị Bích Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Lương Thị Bích Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị Đ ở nước ngoài tạm giao cháu P cho ông Lương Văn C (bố đẻ chị Đ) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Đ trở về Việt Nam.Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Lương Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lương Thị Bích Đ nộp đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn khởi kiện chị Đ trình bày hiện nay chị Đ đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số 8358/QLXNC-P3 ngày 24/4/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã xác nhận nội dung: *"Lương Thị Bích Đ, sinh ngày 09/10/1996, đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 16/4/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước"*. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này chị Đ không có mặt ở Việt Nam. Chị Đ đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh A. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Sau đó, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2024 anh T đã nêu quan điểm của mình về việc chị Đ khởi

kiện xin ly hôn với anh, cụ thể anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Đ và anh T đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan C chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Lương Thị Bích Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị Đ được chấp nhận.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Lương Thị Bích Đ và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 20/10/2016. Khi ly hôn chị Đ đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay chị Đ đang ở nước ngoài, chị Đ đề nghị Tòa án tạm giao cháu P cho ông Lương Văn C (bố đẻ chị Đ) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P trong thời gian chị Đ ở nước ngoài cho đến khi chị Đ trở về Việt Nam. Anh T cũng hoàn toàn nhất trí với nội dung khởi kiện về vấn đề con chung của chị Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị Đ và anh T đều đã thống nhất thỏa thuận được về vấn đề con chung, hơn nữa cháu P cũng đã thể hiện mong muốn được ở với mẹ sau khi ly hôn trong đơn trình bày nguyện vọng của mình. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập, phát triển của cháu P cần giao cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Trong thời gian chị Đ ở nước ngoài thì ông Lương Văn C vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P đến khi chị Đ trở về Việt Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị Đ do chị Đ tự nguyện không yêu cầu.

- Về con riêng: tại đơn khởi kiện chị Đ trình bày trước khi kết hôn với anh T, chị Đ đã có 01 con riêng là cháu Lương Anh H, sinh ngày 03/6/2014. Chị Đ xác định cháu H là con riêng của chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: chị Lương Thị Bích Đ xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lương Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích Đ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Bích Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Lương Thị Bích Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian chị Đ ở nước ngoài, tạm giao cháu P cho ông Lương Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi chị Đ về nước sẽ bàn giao lại cháu P cho chị Đ nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ do chị Đ không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Lương Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Lương Thị Bích Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Lương Văn C nộp thay tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000291 ngày 04/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Văn T và ông Lương Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Lương Thị Bích Đ là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh